

Số: 15/2021/NQ-HĐND

Thái Bình, ngày 14 tháng 7 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Phê duyệt bổ sung dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội  
vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH  
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ  
và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản  
quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan  
đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019  
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014  
của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của  
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của  
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết Luật Đất đai;*

*Xét Tờ trình số 121/TTr-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân  
dân tỉnh về việc phê duyệt bổ sung dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội  
vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2021; Báo cáo thẩm  
tra số 20/BC-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách  
Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh  
tại kỳ họp.*



## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Phê duyệt bổ sung 32 dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2021; tổng diện tích đất thu hồi là 32,74 ha (có Danh mục chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các sở, ngành và địa phương có liên quan rà soát đảm bảo: chính xác về tên dự án, địa điểm, diện tích; đúng quy hoạch; đúng mục đích sử dụng đất; đúng quy trình và đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật liên quan trước khi tổ chức thực hiện.

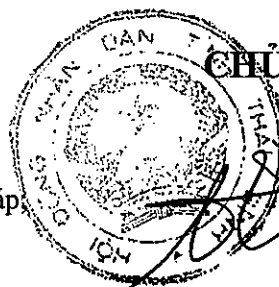
2. Tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình Khóa XVII Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2021. /.

### Nơi nhận:

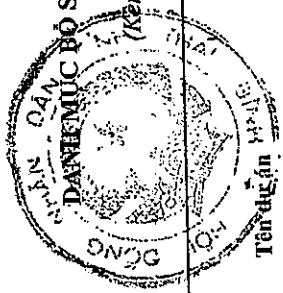
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản Quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thành phố;
- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;
- Báo Thái Bình; Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử Thái Bình; Trang thông tin điện tử Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VTVP.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Thành

**ĐỀ NGHỊ PHÂN CHIA MẶT ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH NĂM 2021**  
 (Kèm theo Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 7 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



TT	Tên thửa đất	Mã loại đất	Địa điểm thực hiện			Huyện, thành phố	Tổng diện tích	Diện tích đất sử dụng (m <sup>2</sup> )			Đất khác
			Xứ đồng, thôn	Xã, phường, thị trấn				Trong đó lấy từ loại đất	Đất rừng	Đất ở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
<b>I</b>	<b>Đất giao thông</b>	DGT				121.205,20	72.778,00		22.011,30	26.415,90	
1	Đường trục xã từ Cầu Đen đến ngã ba ông Nông	DGT		Vũ Phúc	Thành phố Thái Bình	1.656,10			690,90	965,20	
2	Đường Ngô Quyền (đoạn còn lại đến đường Lý Thường Kiệt)	DGT		Kỳ Bá	Thành phố Thái Bình	2.400,00			2.100,00	300,00	
3	Quy hoạch đường Trần Phú kéo dài (từ khu 3,2 ha đến khu 26 ha)	DGT		Phú Xuân	Thành phố Thái Bình	10.000,00	3.000,00		4.100,00	2.900,00	
4	Đường Đình Tiên Hoàng (đoạn còn lại đến đường Lý Bôn)	DGT		Kỳ Bá	Thành phố Thái Bình	4.528,10			2.577,90	1.950,20	
5	Quy hoạch đường Lê Quý Đôn kéo dài về phía Tây Bắc thành phố Thái Bình	DGT		Tân Bình, Tiên Phong, Phú Xuân	Thành phố Thái Bình	56.000,00	32.000,00		12.000,00	12.000,00	
6	Đường công vụ vào Trạm xử lý nước thải	DGT		Trần Lâm	Thành phố Thái Bình	500,00			500,00		
7	Đường cứu hộ, cứu nạn đoạn từ QL.39 đến đê tả sông Trà Lý	DGT		Đông Hoàng	Đông Hưng	3.029,00	695,00		3,50	2.330,50	
8	Đường liên xã Chương Dương - Minh Phú (GDD2)	DGT		Chương Dương, Minh Phú	Đông Hưng	1.292,00	1.083,00		39,00	170,00	
9	Quy hoạch bãi đỗ xe	DGT	Bình Minh	Quỳnh Xá	Quỳnh Phụ	1.800,00	1.800,00				
10	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐT. 455 đoạn từ Quốc lộ 10 đến đường ĐT. 456 (giai đoạn 1 từ QL.10 đến xã An Dục)	DGT		An Lễ	Quỳnh Phụ	2.000,00	1.200,00			800,00	

1/2/21

TT	Tên dự án	Mã loại đất	Địa điểm thực hiện			Diện tích đất sử dụng (m <sup>2</sup> )			
			Xã, phường, thị trấn	Huyện, thành phố	Tổng diện tích	Trong đó lấy từ loại đất			
						Trồng lúa	Đất rừng	Đất ở	Đất khác
11	Đường ĐH.72C và thị trấn Thành	DGT	An Thạnh	Quỳnh Phụ	10.000,00	8.000,00			2.000,00
12	Đường từ thôn Lương Mỹ xã Quỳnh Hội ở xã An Vinh	DGT	Quỳnh Hội	Quỳnh Phụ	8.000,00	8.000,00			
13	Quy hoạch tuyến đường vào bãi rác thải sinh hoạt tập trung của huyện	DGT	Nam Chính	Tiền Hải	20.000,00	17.000,00			3.000,00
II	Đất thủy lợi	DTL			6.700,00	1.000,00			5.700,00
14	Nâng cấp đê hữu sông Trà Lý	DTL	Vũ Đông	Thành phố Thái Bình	3.000,00				3.000,00
15	Cải tạo hệ thống thoát nước thành phố Thái Bình - hạng mục nạo vét và kè sông Doan Túc	DTL	Tiền Phong	Thành phố Thái Bình	700,00	700,00			
16	Nâng cấp, hoàn thiện mặt cắt đê đoạn từ K34+000 đến K39+500 đê Trà Lý	DTL	Đông Á	Đông Hưng	1.500,00				1.500,00
17	Xây mới công Gia Mỹ tại K45+300 đê Hữu Trà Lý	DTL	Hồng Thái	Kiến Xương	1.500,00	300,00			1.200,00
III	Đất trụ sở cơ quan	TSC			4.000,00	4.000,00			
18	Quy hoạch trụ sở Ủy ban nhân dân xã	TSC	Tây Thượng Liệt	Đông Hưng	4.000,00	4.000,00			
IV	Đất trụ sở tổ chức sự nghiệp	DTS			9.800,00		4.000,00		5.800,00
19	Trạm khí tượng hải văn Ba Lạt	DTS	Cồn Vành	Tiền Hải	9.800,00		4.000,00		5.800,00
V	Đất ở tại nông thôn	ONT			94.900,00	85.900,00			9.000,00

nguy

TT	Mã loại đất	Địa điểm thực hiện			Tổng diện tích	Diện tích đất sử dụng (m2)		
		Xã, phường, thị trấn	Huyện, thành phố	Trồng lúa		Trong đó lấy từ loại đất		
						Đất rừng	Đất ở	Đất khác
20	ONT	Gia Lễ	Đông Mỹ	Thành phố Thái Bình	54.000,00	45.000,00		9.000,00
21	ONT	Xuân La	Quỳnh Xá	Quỳnh Phụ	1.000,00	1.000,00		
22	ONT	Nguyễn Xá 1, Nguyễn Xá 5 Lam Cầu 3	An Hiệp	Quỳnh Phụ	23.000,00	23.000,00		
23	ONT	Vũ Xá	An Đông	Quỳnh Phụ	1.800,00	1.800,00		
24	ONT	Vũ Xá	An Đông	Quỳnh Phụ	5.300,00	5.300,00		
25	ONT	Vũ Xá	An Đông	Quỳnh Phụ	4.600,00	4.600,00		
26	ONT	Cam Mỹ	An Áp	Quỳnh Phụ	5.200,00	5.200,00		
VI	ODT				8.000,00		3.175,60	4.824,40
27	ODT		Trần Hưng Đạo	Thành phố Thái Bình	8.000,00		3.175,60	4.824,40
VII	DNL				52.610,00	36.709,00		15.021,00
28	DNL		Nam Cường	Tiền Hải	8.000,00	8.000,00		

*nguy*

TT	Mã loại đất	Địa điểm thực hiện	Diện tích đất sử dụng (m <sup>2</sup> )					
			Xã, phường, thị trấn	Huyện, thành phố	Tổng diện tích	Trong đó lấy từ loại đất		
						Trồng lúa	Đất rừng	Đất ở
29	DNL	Cải tạo đường dây 110KV-42E3.3-173E11.9 Long Bối - Kiến Xương- Tiền Hải, Thái Bình	An Ninh, thị trấn Tiền Hải, Tây Lương, Đông Trung, Đông Phong, Đông Cơ	Tiền Hải	35.910,00	20.009,00	880,00	15.021,00
30	DNL	Đường dây và TBA 110kV Kiến Xương 2, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Thị trấn Kiến Xương	Kiến Xương	8.700,00	8.700,00		
<b>VIII</b>	<b>SKC</b>	<b>Đất cơ sở sản xuất kinh doanh</b>			<b>30.200,00</b>	<b>30.000,00</b>	<b>-</b>	<b>200,00</b>
31	SKC	Mở rộng nhà máy nước Đông Trung của Công ty TNHH Tấn Phát (xây dựng hồ trữ nước sạch)	Đông Trung	Tiền Hải	8.000,00	8.000,00		
32	SKC	Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh (Nhà máy nước Đông Hưng 2, diện tích 2,2 ha; công trình thu nước sông và trạm bơm cấp 1, diện tích 0,02 ha)	Đông Dương	Đông Hưng	22.200,00	22.000,00		200,00
	<b>Tổng</b>				<b>327.415,20</b>	<b>230.387,00</b>	<b>4.000,00</b>	<b>26.066,90</b>
								<b>66.961,30</b>

*nghe*